ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN TRIẾT HỌC MÁC – LÊNIN

(Không chuyên)

1. Mã học phần: PHI1006

2. Số tín chỉ: 03

3. Học phần tiên quyết:

4. Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt

5. Giảng viên (họ và tên, chức danh, học vị, đơn vị công tác)

STT	Họ và tên	Chức danh,	Đơn vị công tác	Ghi chú
		học vị		
1	Đặng Thị Lan	PGS.TS	KHXHN&NV	
2	Trần Thị Điểu	TS	KHXHN&NV	
3	Trần Ngọc Liêu	PGS.TS	KHXHN&NV	
4	Nguyễn Thị Thu Hường	TS	KHXHN&NV	
5	Lê Thị Vinh	TS	KHXHN&NV	
6	Lương Thùy Liên	TS	KHXHN&NV	
7	Đoàn Thu Nguyệt	TS	KHXHN&NV	
8	Hoàng Văn Thắng	Ths	KHXHN&NV	
9	Ngô Đăng Toàn	Ths	KHXHN&NV	
10	Phạm Thanh Hà	TS	KHXHN&NV	
11	Phạm Thu Trang	TS	KHXHN&NV	
12	Trần Thị Hạnh	PGS.TS	KHXHN&NV	
13	Nguyễn Thanh Bình	PGS.TS	KHXHN&NV	
14	Nguyễn Thị Thanh Huyền	PGS.TS	KHXHN&NV	

STT	Họ và tên	Chức danh,	Đơn vị công tác	Ghi chú
		học vị		
15	Nguyễn Thị Lan	TS	KHXHN&NV	

6. Mục tiêu học phần

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về Triết học Mác – Lênin một cách có hệ thống. Đó là hệ thống những quan điểm duy vật biện chứng về tự nhiên, xã hội và tư duy; là thế giới quan và phương pháp luận khoa học, cách mạng giúp giai cấp công nhân và nhân dân lao động nhận thức và cải tạo thế giới.

Trên cơ sở giải quyết mối quan hệ giữa vật chất và ý thức trên lập trường duy vật biện chứng và nghiên cứu những quy luật chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy, học phần trang bị cho sinh viên thế giới quan duy vật và phương pháp luận khoa học để phân tích xu hướng phát triển của xã hội trong điều kiện cách mạng khoa học công nghệ hiện đại, phát huy tính tích cực, sáng tạo, trang bị những kỹ năng cần thiết trong nhận thức và hoạt động thực tiễn.

7. Chuẩn đầu ra của học phần (Kiến thức, kỹ năng, thái độ)

- * Kiến thức:
- Trang bị cho sinh viên nội dung những kiến thức cơ bản nhất của Triết học Mác- lênin thông qua hai bộ phận cơ bản là Chủ nghĩa duy vật biện chứng và Chủ nghĩa duy vật lịch sử.
- Xác lập cơ sở lý luận và phương pháp luận đúng đắn để tiếp cận nội dung của các khoa học cụ thể.
 - * Kỹ năng:
- Xác lập thế giới quan, nhân sinh quan đúng đắn để hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn có hiệu quả.
 - * Thái độ:
 - Thấy được vai trò, ý nghĩa, giá trị khoa học của môn học.
- Xây dựng cho sinh viên niềm tin, lý tưởng phấn đấu; củng cố niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, vào sự thắng lợi của sự nghiệp đổi mới.

- Hình thành thái độ sống tích cực, có trách nhiệm với xã hội, với đất nước.

8. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

- Điểm chuyên cần: 10%

- Kiểm tra giữa kỳ: 30 %

- Thi hết môn: 60 %

9. Giáo trình bắt buộc

- Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình Triết học Mác – Lê nin* (Dành cho bậc Đại học hệ không chuyên Lý luận Chính trị), Nxb. CHính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội 2021.

10. Tóm tắt nội dung học phần

Triết học Mác – Lê nin là hệ thống quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về thế giới và vị trí của con người trong thế giới đó; là khoa học về những quy luật vận động, phát triển chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy. Triết học Mác – Lê nin còn là sự vận dụng chủ nghĩa duy vật biện chứng vào nghiên cứu đời sống xã hội nên được coi là chủ nghĩa duy vật triệt để nhất.

Triết học Mác – Lê nin bao gồm hai bộ phận cơ bản là Chủ nghĩa duy vật biện chứng và Chủ nghĩa duy vật lịch sử. Phần CNDVBC đề cập đến vấn đề cơ bản của triết học, giải quyết mối quan hệ giữa vật chất và ý thức, phép biện chứng duy vật, lý luận nhận thức. Phần CNDVLS cung cấp tri thức về những vấn đề thuộc đời sống xã hội: Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội, giai cấp và dân tộc, nhà nước và cách mạng xã hội, ý thức xã hội, triết học về con người.

Ngày nay, trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, Triết học Mác – Lê nin là cơ sở thế giới quan duy vật và phương pháp luận khoa học để phân tích xu hướng vận động, phát triển của xã hội hiện đại. Sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam tất yếu phải dựa trên cơ sở lý luận khoa học của Triết học Mác – Lê nin, trong đó hạt nhân là phép biện chứng duy vật.

11. Nội dung chi tiết học phần (Theo kết cấu Giáo trình)

CHƯƠNG 1 KHÁI LUẬN VỀ TRIẾT HỌC VÀ TRIẾT HỌC MÁC - LÊNIN

I. TRIẾT HỌC VÀ VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA TRIẾT HỌC	12
1. Khái lược về triết học	<u>12</u>
2. Vấn đề cơ bản của triết học	33
3. Biện chứng và siêu hình	43
II. TRIẾT HỌC MÁC - LÊNIN VÀ VAI TRÒ CỦA TRIẾT HỌC M	IÁC - LÊNIN
TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI	48
1. Sự ra đời và phát triển của triết học Mác - Lênin	48
2. Đối tượng và chức năng của triết học Mác - Lênin	95
3. Vai trò của Triết học Mác - Lê nin trong đời sống xã hội và trong sự mới ở Việt Nam hiện nayCHƯƠNG 2 CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG	
I. VẬT CHẤT VÀ Ý THỨC	118
1. Vật chất và các hình thức tồn tại của vật chất	118
2. Nguồn gốc, bản chất và kết cấu của ý thức	149
3. Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức	172
II. PHÉP BIỆN CHỨNG DUY VẬT	182
1. Hai loại hình biện chứng và phép biện chứng duy vật	182
2. Nội dung của phép biện chứng duy vật	189
III. LÝ LUẬN NHẬN THÚC	262
1. Các nguyên tắc của lý luận nhận thức duy vật biện chứng	257
2. Nguồn gốc, bản chất của nhận thức	262
3. Thực tiễn và vai trò của thực tiễn đối với nhận thức	266
4. Các giai đoạn cơ bản của quá trình nhận thức	274
5. Chân lý	280

CHƯƠNG 3 CHỦ NGHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ

I. HỌC THUYẾT HÌNH THÁI KINH TẾ - XÃ HỘI	. 287
1. Sản xuất vật chất là cơ sở của sự tồn tại và phát triển xã hội	288
2. Biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất	291
3. Biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội	305
4. Sự phát triển các hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình	
lịch sử tự nhiên	317
II. GIAI CẤP VÀ DÂN TỘC	. 329
1. Vấn đề giai cấp và đấu tranh giai cấp	329
2. Dân tộc	362
3. Mối quan hệ giai cấp - dân tộc - nhân loại	374
III. NHÀ NƯỚC VÀ CÁCH MẠNG XÃ HỘI	. 384
1. Nhà nước	384
2. Cách mạng xã hội	404
IV. Ý THÚC XÃ HỘI	. 419
1. Khái niệm tồn tại xã hội và các yếu tố cơ bản của tồn tại xã hội	419
2. Ý thức xã hội và kết cấu của ý thức xã hội	421
3.Quan hệ biện chứng giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội, tính độc lập	
tương đối của ý thức xãhội V. TRIẾT HỌC VỀ CON NGƯỜI	440 447
1. Khái niệm con người và bản chất con người	
2. Hiện tượng tha hóa con người và vấn đề giải phóng con người	457
3. Quan hệ cá nhân và xã hội; vai trò của quần chúng nhân dân và	
lãnh tụ trong lịch sử	465
4. Vấn đề con người trong sự nghiệp cách mạng ở Việt Nam	478